

YẾU TỐ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG CƠ CHẾ QUẢN LÝ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG PHUM SÓC CỦA NGƯỜI KHMER Ở NAM BỘ

Tóm tắt: Người Khmer đã sinh tụ lâu đời trên vùng đất Nam Bộ. Vốn là cư dân nông nghiệp lúa nước, dễ thích ứng với nền kinh tế tiểu nông, người Khmer đã tập hợp thành những đơn vị cư trú và tổ chức thành những đơn vị xã hội tự quản truyền thống với hai thiết chế xã hội là phum và sóc. Trong điều kiện sống biệt lập một thời gian dài, khi sự phân hóa giai cấp diễn ra chưa sâu sắc, tính cộng đồng của những người cùng số phận được đề cao, tính dân chủ và bình đẳng giữa các thành viên trong phum sóc được coi trọng, vì vậy bộ máy quản lý phum sóc được tổ chức trên cơ sở tự quản với nhiều yếu tố dân chủ công xã. Thêm nữa, khi đến tụ cư ở Nam Bộ, người Khmer đã mang theo Phật giáo Nam tông, thịnh hành từ thế kỷ XIII. Tại nơi này, Phật giáo Nam tông vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân, vừa là chất men cổ kết mọi thành viên trong cộng đồng. Yếu tố văn hóa tộc người của cư dân nông nghiệp lúa nước được kết hợp với yếu tố văn hóa Phật giáo, không chỉ ảnh hưởng sâu đậm vào sinh hoạt văn hóa, mà còn ghi dấu ấn rõ nét trong bộ máy tự quản truyền thống, tạo nên một đặc tính xã hội rất riêng của vùng nông thôn Khmer ở Nam Bộ, mặc dù có sự biến thiên trong lịch sử, nhưng vẫn có ảnh hưởng to lớn cho đến hiện nay.

Từ khóa: Văn hóa Phật giáo, cơ chế quản lý xã hội truyền thống phum sóc, người Khmer, Nam Bộ.

Phật giáo Nam tông dù chỉ du nhập vào thế kỷ XIII¹, nhưng đã chi phối sâu sắc đời sống của người Khmer ở Nam Bộ. Mọi người Khmer, dù tu ở chùa hay tại nhà, đều tự coi mình là Phật tử. Phật giáo được người Khmer ở Nam Bộ sùng kính và bảo vệ không chỉ vì sự hấp dẫn của giáo

* TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

lý đem lại lợi ích thiết thực trong đời sống, mà còn là những hành động tôn giáo lưu truyền qua các thế hệ của người Khmer thành nếp sống, quy cách ứng xử mà mỗi thành viên của phum sóc mặc nhiên phải tuân theo. Khi còn tại gia, người con trai với bốn phận làm con phải vâng lời cha mẹ. Nhưng sau Lễ Quy y mặc vào tấm cà sa, họ trở thành vị sư và ngay lập tức vị trí xã hội của họ được thay đổi. Bố mẹ gặp con lúc này phải quỳ lạy sùng kính, vì đó là một trong Tam bảo (Phật - Pháp - Tăng).

Ở chùa, sư sãi Khmer được nhân dân kính trọng không phải đơn thuần vì uy quyền tôn giáo, mà giữa họ và nhân dân có sự gắn bó mật thiết hơn nhiều. Trong xã hội nông thôn Khmer, tầng lớp sư sãi có vị trí rất đặc biệt. Họ được coi là những bậc thức giả và là niềm tự hào của phum sóc. Lời của họ là lời dạy của Đức Phật, được mọi người quý trọng và tự giác tuân thủ. Vì vậy, trong xã hội truyền thống của người Khmer ở Nam Bộ, tầng lớp sư sãi là người nắm thực quyền điều hành xã hội, mặc dù trên danh nghĩa, họ không phải trực tiếp quản lý mà thông qua Ban Quản trị chùa. Sư sãi Khmer không xa lánh hoàn toàn với thế sự. Họ vừa chăm lo đời sống tâm linh của Phật tử, vừa giúp đỡ Phật tử trong cuộc sống hằng ngày. Khi có sự xích mích, kiện tụng xảy ra giữa các gia đình, sư sãi đứng ra phân xử, hòa giải. Người bệnh tật hay gặp hoạn nạn đều tìm đến sư sãi để được an ủi và trao đổi ý kiến. Đám cưới, đám ma của người Khmer được sư sãi tụng kinh chúc phúc, chia buồn. Với triết lý sống làm phúc, họ đã đến với dân chúng khi gặp hoạn nạn, khó khăn mà không cần bất cứ điều kiện nào. Mặt khác, họ còn là thầy giáo dạy chữ, dạy đạo lý làm người càng làm tăng thêm lòng kính trọng, tin yêu của dân chúng.

Theo Phật giáo Nam tông, những người ly gia cắt ái, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của cuộc sống trần tục để tu hành mới có thể giải thoát. Vì thế, đối với tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer, một nhu cầu không thể thiếu được trong sinh hoạt tôn giáo là ngôi chùa. Nhưng khác với nhiều tôn giáo khác, Phật giáo Nam tông Khmer đảm nhận không chỉ chức năng tôn giáo, mà còn các chức năng văn hóa, giáo dục. Vì vậy, ngôi chùa Khmer được xây dựng không chỉ đáp ứng nhu cầu hoạt động tôn giáo, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa, giáo dục của cộng đồng phum sóc². Trong quan niệm của người Khmer, đi tu không phải để thành Phật, mà là để học làm người có đạo đức, sống theo tinh thần của nhà Phật, rèn luyện theo Phật pháp như thọ giới, bố thí và tụng niệm. Trong sách dạy làm người của đồng bào Khmer có câu: “Ri neak minh ban buôt tuk, chia tók

knong sao sơ mai” (Người không được tu trong chùa là người có nhiều tội lỗi trong cuộc sống). Vì vậy, ngôi chùa trở thành trung tâm giáo dục dành cho con em của phum sóc. Trước kia, ngoài ngôi chùa, đồng bào Khmer ở Nam Bộ không có hệ thống trường học nào khác. Mỗi ngôi chùa thường có một hoặc vài ba sư sãi chuyên dạy chữ cho con em dân chúng trong phum sóc.

Là cư dân nông nghiệp lúa nước, hằng năm, người Khmer có nhiều lễ hội gắn với các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Trong mỗi dịp lễ hội, bên cạnh phần lễ là những hình thức vui chơi, giải trí, biểu diễn văn nghệ của quần chúng, tất cả được tổ chức ở khuôn viên ngôi chùa. Chùa còn là hệ thống thiết chế văn hóa của cộng đồng. Ngôi chùa là nơi tàng trữ các bộ sách cổ và sách Phật, là bảo tàng mỹ thuật và lịch sử, nơi duy nhất trưng bày các tác phẩm mỹ thuật của nghệ nhân Khmer, là trường học chữ, là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của cộng đồng... Đặc biệt, Phật giáo Nam tông với sự hiện hữu của ngôi chùa trong mỗi sóc còn là một thành trì bảo vệ, che chở người Khmer trước những biến động của thời cuộc và lịch sử. Trước sự xâm nhập và tác động lớn lao từ bên ngoài, người Khmer chỉ dựa vào Phật giáo, co cụm vào ngôi chùa để tự bảo vệ mình. Ngôi chùa như một thành trì để người Khmer chống lại sự o ép từ bên ngoài và giữ gìn những gì vốn có của dân tộc. Nhiều yếu tố văn hóa Khmer được cất giữ và nuôi dưỡng tại ngôi chùa. Khi thiết chế quản lý nhà nước vươn tới các phum sóc, thì bộ máy tự quản phum sóc truyền thống đã rút lui vào ngôi chùa. Ở đây, với chức năng của Ban Quản trị chùa, nó lại tiếp tục thực hiện vai trò quản lý và điều hành đời sống xã hội của cộng đồng phum sóc.

Người Khmer ở Nam Bộ vừa là thành viên của sóc vừa là tín đồ của Phật giáo Nam tông. Bên cạnh sự quản lý của bộ máy tự quản phum sóc, họ còn chịu sự quản lý của hệ thống tổ chức nhà chùa. Hệ thống tổ chức Phật giáo Nam tông Khmer có từ trung ương đến địa phương, cao nhất là cấp trung ương, ở cấp tỉnh có Salakon (Hội đồng Sư sãi), ở cấp huyện có Anakon, từng khu vực nhiều sư có Upechia. Đây là hệ thống tổ chức giáo hội theo ngành dọc, ít liên quan tới tín đồ của phum sóc. Riêng bộ máy Phật giáo Nam tông Khmer trong sóc không chỉ thuần túy trên lĩnh vực tôn giáo, mà còn đảm đương cả những vấn đề văn hóa, giáo dục, xã hội khác.

Đứng đầu mỗi ngôi chùa là Sư Cả (Lục Krou). Sư Cả là người trụ trì ngôi chùa, lãnh đạo tôn giáo cao nhất của một hoặc vài sóc; thường là

người cao tuổi qua nhiều lớp đào tạo, am hiểu giáo lý, thuộc kinh kệ, giỏi chữ Phạn và hiểu biết sâu sắc văn hóa truyền thống của người Khmer, tình nguyện trọn đời tu hành. Trước đây, họ còn được tu học ở các trường Phật học tại Campuchia hoặc Thái Lan có bằng cấp hẳn hoi về trụ trì các chùa. Họ là người rất có uy tín, có vị thế đặc biệt hơn cả Mê Sóc (người đứng đầu sóc), được dân trong sóc hết mực kính trọng. Trong tâm thức của người Khmer, Sư Cả được coi là người đại diện cho Đức Phật, nên những lời giáo huấn của họ được nhân dân tôn trọng và thực thi một cách nghiêm túc. Những cuộc tranh chấp, bất hòa giữa các gia đình Khmer trong sóc đều được Sư Cả và sư sãi đứng ra giải quyết êm đẹp. Trong không gian trầm mặc, tôn nghiêm của ngôi chùa, người Khmer đến đây với lòng sùng kính, nên tạo không khí thuận lợi cho việc hòa giải. Mặt khác, Sư Cả thường vận dụng giáo lý Phật giáo về lòng vị tha, thương người, sống cần làm phúc để cuộc đời mai sau tốt đẹp, nên thường dễ dàng thuyết phục được các bên tranh chấp.

Ngoài Sư Cả, trong chùa còn có một hoặc hai Sư Phó. Họ là người giúp việc cho Sư Cả, chịu trách nhiệm coi sóc mọi việc trong chùa và việc ngoài đời liên quan đến chùa, duy trì kỷ luật và tu hành trong chùa.

Giới chức thứ ba trong chùa là các Tỳ kheo, thường từ 20 tuổi trở lên, có nhiều nhiệm vụ như giảng kinh, làm lễ riêng cho các gia đình, cá nhân ở trong chùa hay ngoài chùa.

Cuối cùng là tầng lớp Sa di, thường từ 10 tuổi trở lên, được cha mẹ cho vào chùa tu học, phục vụ sư sãi, quét dọn chùa, lau chùi tượng. Các Sa di tu đến năm 20 tuổi thì tùy từng người, tiếp tục ở lại tu sang bậc Tỳ kheo hoặc hoàn tục làm ăn bình thường.

Trong mỗi chùa, cùng với Sư Cả, Sư Phó và các sư sãi chuyên lo việc tôn giáo, còn có tổ chức của tín đồ là Ban Quản trị chùa (Knã kô ma ca wat). Chức năng của Ban Quản trị chùa là điều phối mối quan hệ giữa nhà chùa với các thành viên của sóc. Ban Quản trị chùa thường có 9 - 10 người, trong đó vị chủ chùa (Nhôm Wat) thường là người khá giả ở địa phương, buổi đầu thành lập sóc, những người đầu tiên đứng ra lập chùa đều trở thành Nhôm Wat; thầy phụ trách nghi lễ (Acha Wat) và một số vị khác phụ trách về tài chính, Phật sự. Họ là những người sùng đạo, biết cách tổ chức các nghi lễ, đồng thời am hiểu phong tục tập quán của người Khmer. Phật giáo Nam tông Khmer thông qua Ban Quản trị chùa để giúp quản lý phum sóc. Ban Quản trị chùa, sau khi hỏi ý kiến và bàn bạc với

Sư Cả, Sư Phó, thay mặt nhà chùa đứng ra quyết định và giải quyết mọi việc liên quan tới hoạt động tôn giáo. Họ là người hoạch định chương trình và đứng ra tổ chức các buổi lễ, định địa tô cho chùa, giải quyết những vấn đề Phật sự như sửa sang, trùng tu, tìm kiếm những ngân khoản chi tiêu cho nhà chùa.

Trong các sóc Khmer ở Nam Bộ còn tồn tại một tổ chức tín đồ Phật tử khác gọi là các wel hay wiêl. Wel là tập hợp một số lượng gia đình tín đồ nhất định, phân theo khu vực địa lý và nguyện vọng (giống như các tổ, đội trong các hợp tác xã nông nghiệp của người Việt), để thực hành những công việc nhà chùa. Mỗi chùa tùy theo quy mô số lượng dân sóc đông hay ít mà có nhiều hay ít wel. Thí dụ, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh: chùa Ô Dừng có 13 wel, chùa Tân Đại có 6 wel, chùa Ô Chao có 7 wel. Ngoài khu vực địa lý và nguyện vọng, cách phân chia ở đây còn chú ý tới khả năng giàu nghèo của các gia đình Phật tử, để không tập trung nhiều gia đình giàu có vào một wel và ngược lại. Đứng đầu mỗi wel có một Mê Wel là người giúp việc cho Ban Quản trị chùa (trong nhiều trường hợp là thành viên Ban Quản trị chùa). Mê Wel là người có đạo đức, trung thực, thẳng thắn, hiểu biết kinh sách Phật giáo và ở những gia đình có uy tín, được dân trong wel bình chọn và được Ban Quản trị chùa đề nghị với Sư Cả công nhận. Như vậy, wel là đơn vị tín đồ thuộc một chùa nhất định, được tổ chức nhằm:

- Sự phân chia các wel để nhà chùa tổ chức việc quyên góp, nhận cơm nước hằng ngày của sóc cúng dường. Vào một ngày nhất định trong tháng, các sóc trong wel từ sáng sớm chuẩn bị cơm, thức ăn để dâng cúng cho chùa. Chùa sẽ cử một số sư (Tỳ kheo) cùng với trẻ em giúp việc mang theo đồ đựng đến từng nhà trong wel nhận cơm nước và thức ăn mang về chùa cho sư sãi dùng trước 12h00. Mỗi ngày, chùa chỉ đi nhận cơm ở 1 wel, cứ lần lượt như vậy cho tới khi giáp vòng trở lại. Các wel cũng là đơn vị thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ công việc nhà chùa. Mỗi khi có việc tu sửa, xây dựng chùa hay tổ chức các Phật sự khác, Ban Quản trị chùa, sau khi thống nhất với Sư Cả, Sư Phó thì phân bổ công việc và sự đóng góp về các wel. Mê Wel có nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền, động viên, khuyến khích các wel tham gia đóng góp công sức hay cúng dường cho nhà chùa.

- Wel là đơn vị thực hiện các việc công ích xã hội chung của phum sóc, theo sự phân bổ của Ban Quản trị sóc, như tham gia vệ sinh, làm

đường sá, lao động công ích trong sóc hay tham gia đóng góp trong các dịp lễ tiết truyền thống và Phật giáo. Trên thực tế, wel là khâu nối giữa chùa và sóc, góp phần vào công việc chung của sóc.

- Wel là tổ chức Phật tử nhưng cũng là tổ chức cơ bản của xã hội Khmer ở Nam Bộ. Các gia đình trong wel có ý thức cộng đồng trong việc chia sẻ khó khăn và giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Mọi gia sự, những người cùng wel đến góp vui hay chia sẻ buồn đau.

Từ khi nhà Nguyễn vươn tới quản lý vùng Nam Bộ, một bộ máy quản lý hành chính của chính quyền phong kiến được hình thành ở vùng Khmer bao trùm lên bộ máy tự quản truyền thống ở các phum sóc, làm cho bộ máy tự quản của phum sóc dần bị mất đi. Các mê sóc bị thay thế bởi các hương cả, hương chủ, hương thôn là chức sắc của chính quyền làng xã phong kiến theo mô hình làng Việt. Để duy trì và bảo vệ cơ cấu xã hội truyền thống trước chính sách đồng hóa của nhà Nguyễn và thực dân Pháp sau này, người Khmer đã bám trụ trên các phum sóc xung quanh ngôi chùa, dựa vào hệ thống quản lý nhà chùa để giải quyết công việc trong cộng đồng. Phật giáo trở thành chỗ dựa chống lại sự đồng hóa của chính quyền phong kiến và thực dân. Bộ máy quản lý nhà chùa được nói rộng, ngoài chức năng thuần túy tôn giáo còn đảm nhận chức năng tổ chức và quản lý xã hội. Ban Quản trị chùa và các wel với tư cách là đơn vị tổ chức của tín đồ được củng cố, vừa chăm lo Phật sự vừa chăm lo tất cả sinh hoạt văn hóa - xã hội khác. Ngôi chùa trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa - xã hội, duy trì sự tồn tại và phát triển của cộng đồng Khmer trước chính sách đồng hóa của nhà Nguyễn và các chế độ thực dân sau đó.

Mặc dù bộ máy quản lý của chính quyền phong kiến, thực dân được xác lập và có ảnh hưởng rất lớn, thay thế một số chức năng của bộ máy tự quản trước kia, nhưng do sức sống trong xã hội Khmer cổ truyền, nhiều mặt của chức năng đối nội của bộ máy tự quản được chuyển sang bộ máy quản lý nhà chùa. Bộ máy quản lý này, tuy về danh nghĩa không được nhà nước công nhận, nhưng trên thực tế lại đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc quản lý cộng đồng. Mặt khác, khi vai trò nhà nước càng ngày càng cần có sự ảnh hưởng sâu rộng đến cư dân thì chính quyền phong kiến, thực dân cũng muốn sử dụng sự sãi có uy tín phục vụ cho mục đích chính trị của chính quyền. Vì thế, sức sống của bộ máy quản lý nhà chùa vẫn duy trì phát triển cho tới tận ngày nay.

Tóm lại, về mặt giáo lý, sư sãi Khmer chỉ chăm lo tu hành thờ phụng và phục vụ đời sống tâm linh cho nhân dân trong sóc, không tham dự vào việc thế tục. Nhưng thực tế vùng nông thôn Khmer ở Nam Bộ cho thấy, sư sãi có những đóng góp tích cực trong việc quản lý cộng đồng phum sóc. Có thể nói, tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer ở Nam Bộ có sự đan xen giữa thiết chế xã hội tự quản truyền thống với tôn giáo. Mối quan hệ giữa hai yếu tố này đã duy trì sự ổn định và tạo cho phum sóc Khmer một diện mạo riêng biệt với làng xã người Việt. Trong cơ chế kết hợp đó, người Khmer cảm thấy dễ chịu, bình yên và là chủ nhân của phum sóc. Họ có ý thức trách nhiệm tự giác rất cao trong việc bảo vệ, xây dựng phum sóc của mình và luôn vinh dự là một thành viên của cộng đồng phum sóc. Đặc biệt, khi thiết chế quản lý nhà nước vươn tới các phum sóc Khmer, thì bộ máy tự quản truyền thống đã rút lui vào chùa. Chính ở đây, với chức năng của Ban Quản trị chùa, nó lại tiếp tục thực hiện vai trò quản lý và điều hành đời sống xã hội của cộng đồng phum sóc./

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Văn Tiệp (1993), “Quá trình du nhập và ảnh hưởng của Phật giáo Tiểu thừa đến sinh hoạt tôn giáo, văn hóa - xã hội của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Thông báo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Vinh: 37.
- 2 Nguyễn Khắc Cảnh (1996), “Ngôi chùa: trung tâm giáo dục và sinh hoạt văn hóa - xã hội của phum sóc Khmer Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp san Khoa học A, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (Chuyên đề Khoa học Lịch sử)*, số 1: 174.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (1992), “Phum, sóc Khmer trong cơ chế quản lý xã hội vùng dân tộc Khmer Nam Bộ”, trong *Những vấn đề xã hội ở Miền Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan An (1995), “Cơ chế quản lý xã hội truyền thống phum, sóc của người Khmer Nam Bộ”, trong *Làng xã ở Châu Á và ở Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Khắc Cảnh (1996), “Ngôi chùa: trung tâm giáo dục và sinh hoạt văn hóa - xã hội của phum, sóc Khmer Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp san Khoa học A, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (Chuyên đề Khoa học Lịch sử)*, số 1.
4. Nguyễn Khắc Cảnh (1997), *Các loại hình công xã của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Khắc Cảnh (1998), *Phum, sóc của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Mạc Đường (1981), “Vấn đề dân cư và dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long trong thời cổ đại.”, *Dân tộc học*, số 4.

7. Mạc Đường (1982), “Quá trình phát triển dân cư và dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3.
8. Mạc Đường (1982), “Vấn đề dân cư và dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long vào những năm đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4.
9. Đặng Thị Kim Oanh (2007), *Hôn nhân và gia đình của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Văn Tiệp (1993), “Quá trình du nhập và ảnh hưởng của Phật giáo Tiểu thừa đến sinh hoạt tôn giáo, văn hóa - xã hội của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Thông báo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Vinh.

Abstract

THE FACTORS OF BUDDHIST CULTURE IN THE MANAGEMENT INSTITUTION OF THE KHMER'S TRADITIONAL SOCIETY IN SOUTHERN VIETNAM

The Khmer has lived for a long time in southern Vietnam. Being residents of agriculture, to adapt to the agricultural economy in small scale, the Khmer incorporated as the residential units and established two self-governing institutions called as “phum” and “sóc”. For living in isolated places for a long time, differentiating between classes not profoundly, the spirit of the community heightened, and democracy and equality among members in “phum” and “sóc” respected, the management of “phum” and “sóc” was held on the basis of self-governing with many elements of the democratic commune. In addition, when living in southern Vietnam, the Khmer brought Theravada, prevailing from the 13th century, along with them. There, Theravada has just satisfied people's spiritual needs, just as the factor consolidated every member. Cultural factors of rural residents combined with elements of Buddhist culture not only influenced on cultural activities, but also stamped in the traditional self-government, all of which created social characteristics of the Khmer in the countryside of southern Vietnam. Though the variations of history, these characteristics still have influences at present.

Key words: Buddhist culture, the governing institution of traditional society, the Khmer people, southern Vietnam.